

Một số giải pháp chủ yếu

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VỐN VIỆT NAM

ĐẾN NĂM 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

I- THỰC TRẠNG THỊ TRƯỜNG VỐN VIỆT NAM

Thị trường vốn Việt Nam đang ở giai đoạn đầu phát triển, thể chế và cấu trúc thị trường đang từng bước được hoàn thiện, quy mô thị trường đang tăng nhanh trong thời gian vừa qua.

1.1. Mặt được

- Đã thiết lập được hệ thống thị trường có tổ chức của Nhà nước bao gồm đầy đủ các yếu tố như: cơ chế vận hành, cơ quan quản lý, hạ tầng thị trường, hệ thống các nhà phát hành, các nhà đầu tư và các trung gian hoạt động trên thị trường. Về cơ bản, thị trường được quản lý theo pháp luật trên nguyên tắc công bằng, công khai, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư.

- Quy mô của thị trường có bước phát triển khá. Tính đến hết năm 2006, tổng lượng vốn huy động cho đầu tư phát triển của nền kinh tế bằng hình thức trái phiếu các loại là 109.000 tỷ đồng; số lượng các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá đã tổ chức đấu giá công khai qua Trung tâm giao dịch chứng khoán (TTGDCK) là 177 doanh nghiệp, với tổng trị giá

gần 13.000 tỷ đồng. Đặc biệt, trong năm 2006, đã có 32 công ty phát hành lần đầu và phát hành thêm qua thị trường chứng khoán với tổng mức vốn phát hành gần 5.000 tỷ đồng (chưa kể các hoạt động phát hành của các ngân hàng, các doanh nghiệp phát hành riêng lẻ).

- Về giao dịch chứng khoán, đến cuối năm 2006, đã có 193 công ty thực hiện niêm yết, đăng ký giao dịch tại các TTGDCK với tổng giá trị vốn hoá thị trường cổ phiếu đạt khoảng 22,4% GDP 2006 (tăng gần 20 lần so với cuối năm 2005). Đã có trên 400 loại trái phiếu được niêm yết, đăng ký giao dịch tại 2 TTGDCK với tổng giá trị niêm yết, đăng ký giao dịch đạt trên 70.000 tỷ đồng, bằng 7,7% GDP.

- Hệ thống các định chế trung gian thị trường đã được thiết lập. Ngoài số lượng các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính, kế toán, kiểm toán tham gia cung cấp dịch vụ trên thị trường, thì số lượng các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ cũng tăng mạnh. Số lượng các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia vào thị trường chứng khoán ngày càng

đông.

Tính đến ngày 06/4/2007, đã có 55 công ty chứng khoán, 18 công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được cấp phép hoạt động với tổng số vốn điều lệ trên 4.335 tỷ đồng. Đã có trên 120 công ty cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán được thành lập với 1.000 người được cấp chứng chỉ kiểm toán viên hành nghề.

1.2. Hạn chế

- Mặc dù phát triển khá nhanh, nhưng quy mô thị trường vốn còn nhỏ, chất lượng thị trường chưa cao, hàng hoá chưa đa dạng. Tính minh bạch, công khai của thị trường còn hạn chế. Chất lượng hoạt động của các tổ chức trung gian còn hạn chế. Số lượng các nhà đầu tư chuyên nghiệp không nhiều.

- Quản lý, giám sát còn nhiều bất cập trên cả phương diện điều hành kinh tế vĩ mô và giám sát thị trường. Chưa có hệ thống kiểm soát rủi ro cho thị trường. Năng lực cưỡng chế thực thi của cơ quan giám sát đối với các hoạt động trên thị trường còn yếu và thiếu.

- Thị trường tự do hiện đang

chiếm thị phần lớn, lại không công khai, minh bạch, do đó có tác động tiêu cực tới thị trường có tổ chức, tiềm ẩn bất ổn cho cả hệ thống tài chính.

- Hoạt động đầu tư thường theo phong trào, trong khi nguồn cung hàng hoá cho thị trường còn hạn chế nên có hiện tượng mất cân đối về cung cầu chứng khoán, làm cho giá chứng khoán vượt khỏi giá trị thực của doanh nghiệp, gây ra tình trạng "nóng" trên cả thị trường có tổ chức và thị trường tự do.

II- MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VỐN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

1. Nhanh chóng hoàn thiện về thể chế; đảm bảo tính công khai, minh bạch và có sự kiểm soát của Nhà nước đối với toàn bộ thị trường; từng bước đưa thị trường vốn trở thành một cấu thành quan trọng của thị trường tài chính.

2. Phát triển thị trường vốn đa dạng để đáp ứng nhu cầu huy động vốn và đầu tư của

mọi đối tượng trong nền kinh tế. Phấn đấu đến năm 2010, hoàn chỉnh cơ bản về cấu trúc thị trường vốn và đến năm 2020, thị trường vốn phát triển tương đương thị trường các nước trong khu vực. (Xem bảng)

III- MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VỐN VIỆT NAM

1. Phát triển số lượng, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các loại hàng hoá để đáp ứng nhu cầu của thị trường

- Đẩy mạnh chương trình cổ phần hoá các doanh nghiệp, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước, gắn việc cổ phần hoá với niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nghiên cứu các giải pháp để thúc đẩy những doanh nghiệp đã cổ phần hoá đủ điều kiện phải thực hiện việc niêm yết; đồng thời, tiến hành rà soát để có thể bán tiếp phần vốn của Nhà nước tại các công ty cổ phần mà Nhà nước không cần giữ cổ phần chi phối.

- Đa dạng hoá các loại hình trái phiếu trên thị trường bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu đô

thị và trái phiếu doanh nghiệp..., phát triển các sản phẩm chứng khoán phái sinh như: quyền chọn mua, quyền chọn bán chứng khoán; hợp đồng tương lai; hợp đồng kỳ hạn; các sản phẩm liên kết, các sản phẩm từ chứng khoán hoá tài sản và các khoản nợ...

2. Phát triển thị trường vốn theo hướng hiện đại, hoàn chỉnh về cấu trúc, được quản lý, giám sát bởi Nhà nước và có khả năng liên kết với các thị trường khu vực và quốc tế

- Sớm hình thành thị trường trái phiếu chuyên biệt để tạo kênh huy động vốn; nghiên cứu hình thành và phát triển thị trường giao dịch tương lai cho các công cụ phái sinh, thị trường chứng khoán hoá các khoản cho vay trung, dài hạn của ngân hàng...

- Phát triển thị trường cổ phiếu theo nhiều cấp độ để đáp ứng nhu cầu phát hành cổ phiếu, niêm yết, giao dịch của nhiều loại hình doanh nghiệp và bảo đảm khả năng quản lý, giám sát của Nhà nước.

- Chuyển TTGDCK thành Sở giao dịch chứng khoán hoạt động theo mô hình công ty từ tháng 6/2008 theo tinh thần của Luật Chứng khoán. Nâng cấp đồng bộ hạ tầng kỹ thuật của thị trường đảm bảo khả năng liên kết với thị trường các nước trong khu vực.

3. Phát triển các định chế trung gian và dịch vụ thị trường

- Thúc đẩy việc tăng số lượng, nâng cao chất lượng hoạt động và năng lực tài chính của các công ty chứng khoán, công ty quản lý

Dự báo một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2010 và 2020

Chỉ tiêu	Đến năm 2010	Đến năm 2020
Tổ chức thị trường	- Sở Giao dịch chứng khoán tại Tp. Hồ Chí Minh. - TTGDCK tại Hà Nội. - Thị trường trái phiếu chuyên biệt.	- Sở Giao dịch chứng khoán. - Thị trường OTC. - Thị trường giao dịch tương lai cho các công cụ phái sinh.
Giá trị vốn hoá thị trường	50% GDP	70% GDP
Huy động vốn cho ĐTPT qua thị trường vốn.	16% GDP	30% GDP

quỹ, công ty đầu tư chứng khoán... Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ cung cấp trên thị trường, nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng cung cấp dịch vụ.

- Nghiên cứu thành lập các tổ chức định mức tín nhiệm tại Việt Nam và cho phép một số tổ chức định mức tín nhiệm có uy tín của nước ngoài thực hiện hoạt động định mức tín nhiệm ở Việt Nam.

4. Phát triển hệ thống nhà đầu tư trong và ngoài nước

Khuyến khích các định chế đầu tư chuyên nghiệp (ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm...) tham gia đầu tư trên thị trường. Đa dạng hoá các loại hình quỹ đầu tư để thu hút vốn dân cư tham gia đầu tư, khuyến khích việc thành lập các quỹ đầu tư ở nước ngoài đầu tư dài hạn vào thị trường Việt Nam theo quy định của pháp luật.

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát của Nhà nước

- Hoàn thiện hệ thống khuôn khổ pháp lý thống nhất, đồng bộ đáp ứng được yêu cầu quản lý, giám sát và hội nhập với thị trường vốn của khu vực và quốc tế.

- Áp dụng các tiêu chuẩn giám sát thị trường theo

thông lệ quốc tế; đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của các thành viên tham gia thị trường; tăng cường năng lực giám sát, cường chế thực thi của cơ quan giám sát thị trường.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho thị trường vốn; tăng cường phổ cập kiến thức về thị trường vốn, thị trường chứng khoán cho công chúng, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.

- Củng cố bộ máy, nâng cao năng lực quản lý, giám sát của Nhà nước đối với thị trường vốn; nghiên cứu thành lập Cơ quan giám sát dịch vụ tài chính độc lập để thống nhất việc giám sát đối với các hoạt động dịch vụ tài chính.

- Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát vốn chặt chẽ trong những trường hợp cần thiết trên nguyên tắc được thể chế hoá, công bố công khai cho nhà đầu tư và chỉ áp dụng khi có những nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh của hệ thống tài chính. ■

TN

(Nguồn: Nội dung cơ bản Đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 của Bộ Tài chính - Tài liệu họp báo thường kỳ tháng 3/2007 của Văn phòng Chính phủ).